TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và bà Phan Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà H'Ra Chen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1985 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1972 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ng trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn. Việc chung sống với nhau là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, việc không đăng ký kết hôn là do không am hiểu pháp luật. Lý do chị làm đơn đề nghị không công nhận vợ chồng với anh H là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh H thường ghen tuông vô cớ, vợ chồng sống không tôn trọng và không quan tâm lẫn nhau, chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023. Chị Ng không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ng và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Ng và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 25/10/2001, Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 06/11/2003 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 04/11/2005. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị Ng về quá trình chung sống của anh với chị Ng là đúng. Anh và chị Ng chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm, anh H cũng không còn tình cảm với chị Ng, vì vậy anh H yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng, không công nhận anh và chị Ng là vợ chồng.

Về con chung: Anh H và chị Ng có 03 con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 25/10/2001, Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 06/11/2003 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 04/11/2005. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Trần Thị Ng và anh Nguyễn Trọng H là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị Ng khởi kiện anh Nguyễn Trọng H về việc "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 9, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh Nguyễn Trọng H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, tuy đủ điều kiện để kết hôn nhưng chị Ng và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, anh H và chị Ng đều sống không có trách nhiệm với nhau và với gia đình. Tình cảm dành cho nhau không còn, do đó chị Ng và anh H đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Ng và anh H không hợp pháp và đều thống nhất quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng, không công nhận chị Ng và anh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Ng và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 25/10/2001, Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 06/11/2003 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 04/11/2005. Các con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu giải quyết về con chung nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức về nội dung vụ án có là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Ng phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình 2000; khoản 1 Điều 14,

khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/UBTVQH10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ng.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Ng và anh Nguyễn Trọng H là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Trần Thị Ng phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo biên lai số 0001105 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Tuy Đức;*
- *Chi cục THA huyện Tuy Đức;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu